

NGÀY NAY

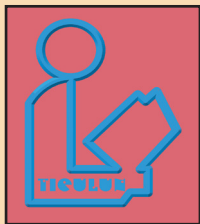
SỐ 3 - NĂM THỨ NHẤT

20 FEVRIER 1935



**NGÀY NAY
SỐ 3**

RA NGÀY 20-2-1935



MỤC LỤC

Nền Mỹ Thuật Việt Nam	4
Dưới Bến Trên Thuyền	10
Phòng Triển Lãm 1935	17
Ngày Giỗ Trận... Ở Chùa Đông-Quang	25
Trước Vành Móng Ngựa	29
Đánh Vật	32
Ông Lefèvre Và H. Đ. Sinh An-Nam	35
Buôn Người	37
10 Février Ngày Từ Thiện Giúp Nạn Dân Nghệ-Tĩnh	45
Trong Làng «Chạy»...	49
Dưới Bóng Tre Xanh	57
Bước Chân Theo Dịp Đàn...	66
Lạc Vào Động Bà Chúa Hàng Bạc	73

Nền Mỹ Thuật Việt Nam

Ngay mà ông Tardieu được chính phủ giúp sức, mở ra trường mỹ-thuật Hanoi, là ngày ta nên đánh dấu bằng hòn đá trắng : ngày ấy đã mở một kỷ nguyên mới cho nền mỹ thuật nước nhà.

Nhờ người mình sẵn có mỹ quan sâu sắc ông Tardieu và các giáo sư trường mỹ thuật trong mấy năm đã đào tạo nên một lớp họa sĩ và kiến trúc sư sừng sững đáng với danh hiệu : các ông ấy đã làm được những tác phẩm có giá-trị, đem sang bên Pháp đo với các tài tử châu Âu cũng không thua mấy; có nhiều ông nổi danh và việc làm đã thấy có ảnh hưởng đến lối sinh hoạt thường ngày của người mình : kỷ nguyên đó tôi gọi là kỷ nguyên mỹ thuật an-nam phục hưng.

Vị trước kia, người ta không phải không biết đến mỹ thuật : những công trình kiến trúc và điêu khắc nhà Lý để lại, đình làng Đình-Bảng - ngôi chùa cổ ở Lạn-kha-Son, văn miếu ở Hanoi kinh thành và lăng tẩm Huế... xây dựng khoảng trăm năm trước đây đều tỏ cho ta biết xưa dân ta vẫn trọng mỹ-thuật. Tuy mỹ thuật của ta phôi thai do ở Tàu, nhưng vẫn có nhiều tính cách đặc biệt, biểu diễn được mỹ quan của nòi giống.

Nhưng từ bấy đến nay, có lẽ do thể vận, nền mỹ thuật ta trải qua một hồi điêu tàn : những nhà cửa, đền đài, dinh thự xây dựng trong hồi ấy hầu toàn là kỳ công tuyệt tác của một thời mỹ quan người mình xa sút : kiểu mẫu lố lăng và tốn tiền, nếu có đáng để ý, chỉ đáng để ý vì sự tốn tiền mà không đẹp ấy thôi, ta coi lại thật như cái gai trước mắt. Rồi vì đó, vì ta không sản xuất ra được một vài nhà mỹ thuật có giá trị, dân trí đã sai lạc đi cả, không biết phân biệt xấu, đẹp một cách thỏa đáng, những kỹ nghệ ứng dụng đến sự ăn, ở của người mình mà cán lấy khoa mỹ thuật làm góc đều sản xuất ra những đồ vật giờ tây, giờ tàu, không có cốt cách. Những sản vật ấy đều do sự bắt chước hèn hạ người mà tô tạo nên, mà bắt chước như vậy không khi nào đẹp bằng kiểu mẫu được. Na ná giống của người, nhưng không đẹp bằng, thì không thể bán ra ngoài được.

Cứ do những tác phẩm đã sản xuất ra trong mấy năm gần đây mà xét thị trường mỹ thuật có một khuynh hướng chính, rất chính đáng và có thể lâu bền được : thái độ lấy những phương tiện biểu diễn đông tây để tạo nên một nền mỹ thuật có tính cách an-nam. Như lối vẽ sơn, vẽ pastel của người Tây, lối vẽ trên lụa của người Tàu, trong nghề họa, lối tạc tượng bằng thạch cao, đá, đá nhân tạo, trong nghề điêu-khắc, lối dùng bê-tôn cốt sắt, sắt rèn trong khoa kiến trúc, lối sơn Tàu

và Nhật trong nghề sơn, ấy là những phương tiện ta đã thâm thái, đã xử dụng cho biến hóa được, đã thành ra những cái lợi khí sắc sảo, phong phú cho nhà mỹ-thuật trong lúc cấu tạo.

Có cái lợi khí đó trong tay, nhà mỹ-thuật bây giờ nhận xét lấy những vẻ đẹp của người ta hay cảnh vật, họa vào bức tranh hay đúc vào pho tượng, ghi được một thời khắc của sắc đẹp bất tuyệt, đưa người xem đến cái thế giới huyền diệu của các mẫu và các hình dáng. Nếu cái đầu đề chẳng phải là cốt yếu trong một bức họa, nếu đó chỉ là cái cớ để cho nhà họa-sĩ tả được lòng mình rung động trước cảnh vật thôi, ta cùng nhận rằng các nhà mỹ-thuật đã từng tìm tòi những mỹ cảm ấy trước những cảnh vật ta thường thấy hàng ngày chứ không xa lạ : một cái dáng ngồi của người thiếu nữ, cái bóng trúc bên bờ ao, cảnh chiều ở bờ sông Hanoi, cảnh êm-ấm trong gia đình, vân vân... Vì đó, các tác phẩm ấy có tính cách biệt lập của người mình, và ta trông thấy dễ cảm và càng mến yêu cái thi vị sâu xa của đất nước.

Khoa kiến trúc càng nên có tính cách biệt lập đó nữa, vì nó phù hợp với lối sinh hoạt của một dân tộc.

Những quy mô, những tài liệu dùng trong việc xây dựng, ta có thể biến cải cho tiện với sự ăn, ở, song những nhà cửa xây dựng nên phải hòa hợp với cảnh sắc

chung quanh và với những người đến ở trong đó nữa.

Những kiểu mẫu nhà hay đèn đài, dinh thự do các kiến trúc sư học ở trường mỹ-thuật ra đều có giá trị về phương diện ấy : nhưng kiểu ấy nếu xây dựng lên ắt đẹp và tiện, mà không lố như mấy kiểu nhà đồ sộ ta từng thấy, nó chỉ có cái đáng khoe mẽ với bà con.

Ta lại chớ nên quên nghĩ đến ảnh hưởng của những nghệ thuật ấy chi phối đến những nghề nhỏ mà rất có quan trọng trên trường kinh tế : các nghề có liên can đến sự ăn, mặc, ở của người ta. Nghề dệt lụa, làm den, đóng bàn ghế, làm đồ gốm, đồ sứ, đồ sơn, dĩ chí đến đóng đôi giày hay nặn cái lọ, nhất nhất đều phải nhờ đến mỹ thuật cả. Mỹ-thuật thịnh, các nghề đó cũng thịnh lên, vì có kiểu mẫu đẹp mới làm nên những thứ hàng đẹp được.

Cứ theo dõi lạc quan như thế mà nói truyện thì chắc các nhà mỹ-thuật nằm trên đồng vàng hảnh. Sự thật thì không được như thế. Họ đều gặp nhiều bước khó khăn trong lúc muốn đem thi thố cái sở học của mình cả. Học trò trường mỹ-thuật ra cũng đã nhiều, nhưng trong số đó được vài người nhà nước bổ dụng vào dạy vẽ trong các trường công lớn, còn ngoài ra phải tìm kế sinh sông lấy hết. Tranh vẽ ra, duy chỉ có người tây mới biết thưởng thức đến, bỏ tiền ra mua, còn những nhà cự phú ta vẫn

chuộng ngà voi hay đồ sứ cổ. Mấy bức tranh vẽ trên lụa của ông Nguyễn-phân-Chánh đã được báo Illustration in bằng màu, các bức họa của ông Nam-Son, Lê-Phổ và Tô-ngọc-Vân bán ở bên Pháp, hai bức họa ông Tô-ngọc-Vân đã vẽ trong cung vua, đó là vài tác phẩm bán có giá ta đáng kể mà thôi. Các nhà công nghệ ta thời lại chưa lưu ý đến mỹ-thuật mấy, vì các mẫu các ông ấy tự chế ra hay lấy được ở quyển sách rao hàng nào, các ông ấy tự cho đã là đẹp lắm rồi, không cần dùng đến tài nghệ của các nhà mỹ-thuật an nam nữa. Thật ra nghĩ như thế không đúng : vừa làm hẹp trường hoạt động của các nhà mỹ thuật ta, lại vừa ngăn công nghệ ta không tiến đạt được.

Trước cái tình thế khó khăn như vậy, các nhà mỹ thuật và kỹ nghệ đã biết kết hợp nhau lại : hội Việt Nam chấn hưng mỹ-thuật và kỹ nghệ thành lập sẽ là nền tảng cho sự cộng tác các nhà mỹ thuật và công nghệ. Phòng triển lãm năm nay hội ấy tổ chức có hiệu quả : hơn một vạn rưởi người vào xem trong vòng mười ngày. Hội lại mới được chính phủ giao cho quyền kiểm soát lại, về phương diện mỹ-thuật, các hóa vật ta có tính cách ấy muốn đem xuất dương. Tuy là một sự cầu thúc cho các nhà sản xuất, nhưng có ích chung cho công nghệ, tôi thiết tưởng nếu hội biết dùng quyền ấy một cách vô tư có thể nâng cao giá trị hóa vật xuất cảng của người

mình được.

Có đi thì có đến nếu ta đi nhằm đường. Mà còn gì nhằm đường hơn là gắng sức làm cho ta có một nền mỹ-thuật xứng đáng. Những kết quả trong thấy đã làm cho ta vững lòng trong cây ở tương lai. Những bức tranh của các danh họa ta được bên Pháp mua và thưởng những phần thưởng rất quý, những kiêu nhà của ông Nguyễn-cao-Luyện, Võ-đức-Diên, những kiêu nhà quê của ông Nguyễn cao Luyện cao ráo, sáng sủa, đẹp đẽ hơn, đã có nhiều người làm theo những bức tranh khắc gỗ của các ông Trần bình Lộc, Cát Tường phổ cập đến mỗi nhà, những bức tượng các ông G. Khánh và Trần ngọc Quyên đã tạo nên, phong trào quần áo mới do ông Cát Tường đề khởi, ấy là tôi chưa nhớ mà kể hết, đều là triệu chứng rằng mỹ-thuật ta đương vào thời kỳ bùng bột tiến hóa, có bóng vang đến quần chúng. Còn những điều khó khăn các nhà mỹ-thuật gặp trong khi theo đuổi với nghề, nó là những điều không thể tránh được, nhưng chẳng phải không thể thắng được.

Minh Trúc

Dưới Bến Trên Thuyền

Bờ sông Hanoi, ngay ở chỗ bến thuyền, là một nơi ít người để ý đến cách sinh hoạt của dân cư dưới bãi cát hay trên thuyền bè.

Người ta có đi qua cũng chỉ thấy một quang cảnh vui vẻ, tấp-nập tuy bây giờ đã kém xưa, hồi mấy năm về trước nhiều lắm. Cái rừng cột buồm thẳng tắp khi trước chi chít, bây giờ trông có vẻ lơ thơ, buồn bã.

Những thuyền trở gỗ từ Yên báy, Phú-thọ, chở than đã từ Đông triều, Quảng yên, chở muối từ Nam định, Thái bình, tuy vẫn lui tới, nhưng chỉ còn ít. Ngoài cái nguyên nhân từ nạn kinh tế khủng hoảng ra, còn vì là những hàng hóa ấy người ta chở bằng tàu thủy hay tàu hỏa, nhanh chóng hơn và giá vận tải cũng không cao hơn là mây.

May ra có những thuyền Nghệ chở nước mắm là còn giữ được ít vẻ phồn thịnh về trước. Những chiếc thuyền đi bể này, trông to lớn, cột buồm cao vút với lá cờ phấp phới trên ngọn hai bên mũi vẻ mắt như mắt cá và rồng phượng nhiều màu như để dọa nạt những cơn sóng ngút trời ở giữa bể khơi. Mỗi chiếc thuyền ghé vào bến Hanoi như thế lại mang tới một chuyến hàng độ bốn năm trăm,

ngày trước có khi đến hàng nghìn. Hàng ấy chứa đầy trong đáy thuyền tối om và sâu như cái giếng, thường thường chỉ có một cái lỗ vuông bằng cái bàn con để thò gáo xuống mức lên.

Bán hết rồi, họ xuôi về Nghệ. Về mùa này, phần nhiều họ đợi được gió bắc rồi mới quay mũi. Người Nghệ đi bể quen, nên đoán thời tiết rất giỏi. Nhiều khi, trời nắng chang chang gió nồm thổi ẩm ướt, mà họ cũng sửa soạn cho thuyền quay về, thế là đến đêm hôm ấy, tự nhiên trời đổi lạnh, gió bắc thổi vù vù đưa những thuyền Nghệ xuôi ra bể Nam.

Đời những người làm thuyền thật là vất vả. Quanh năm sống trên mặt nước, những công việc khó nhọc và nắng mưa, gió bể đã khiến cho tay, chân họ thành chai và da dẻ sạm đen già cỗi. Lắm khi còn phải trông cự với những cơn gió tập lúc đương lênh dênh trên mặt sóng.

Mà những phu-phen làm ở bờ sông cũng khó nhọc như vậy. Họ phải vào những bao to, hay gánh những gánh nặng đầy sỏi, cát hay than đá đen xì, trèo từ dưới thuyền lên bờ sông, giốc và gò ghề. Những phu lao kéo gỗ nhiều khi phải giắt giây nhau chừng hai mươi người mới kéo nổi một cây gỗ lên trên cạn. Mồ hôi chảy nhễ nhại trong lúc trời rét như cắt, họ vừa ra sức, vừa hát những câu tình ái kéo giải bằng những tiếng «ới a», và

thỉnh thoảng lại điểm một tiếng «dô ta» vang động cả bờ sông. Mỗi ngày như thế, tiền công được độ hai ba hào không com là nhiều lắm. Ăn uống lẽ tất nhiên là rất khổ sở. Và tới đến, họ chui rúc vào những nhà nửa lợp gianh ở Cầu-đất, những nhà thấp nhỏ, chật chội bẩn thỉu và tối tăm không chút vệ sinh.

Bãi Cầu-đất cũng như mọi nơi khác, bên bờ sông, thật là chỗ tụ họp của người nghèo : phu phen, thợ thuyền, buôn bán lật vật, như quả bánh chảnh hạn, chen chúc nhau trong dãy phố tồi tàn ấy. Đã vậy, nhiều khi nước lên to, tràn ngập cả, tình cảnh lúc đó mới thật là khốn đốn, vì còn biết chạy đi đâu. Ở bãi Cầu-đất ta thấy rõ cái cảnh nghèo hèn, cách ăn ở khốn nạn của bọn mà ta gọi chung cả một tiếng là bọn hạ lưu. Nhưng khốn nạn thì khốn nạn, bao giờ họ cũng tìm được những cách mua vui, những cuộc vui tai hại như rượu chè, cờ bạc.

Ở bên tàu thủy, quang cảnh vui vẻ hơn, vì sạch sẽ, sáng sủa hơn đây là lẽ tự nhiên. Nhưng lắm khi ta thấy, giữa đám đông người vừa ở dưới tàu lên, một cô gái quê ngớ ngẩn, tay cắp thúng, trông bốn phía như tìm đường đi. Rồi có một người đàn bà chạy đến, nói cười một lúc rồi giắt cô đi theo. Người nhà hay quân giỗ người ? Không biết chắc, nhưng ta đã nghi rằng có gái quê ấy đã bước bước đầu trên con đường trụy lạc trong thành phố

Hanoi mà cái tiếng phồn-hoa đã gọi cô đến nơi.

Ngoài những kẻ giỗ người, còn có những kẻ rủ người đi để bóc lột nữa. Một hôm, tôi đương đứng hứng gió bên bến tàu, bỗng có một anh quần áo cánh trắng tiến lại sẽ hỏi :

- Gỡ không ?

Tới chợt nghĩ đến bao nhiêu người ở dưới tàu lên thì giàu có, rồi chỉ vì một tiếng gỡ, mà phải ăn mày vé tàu. Muốn cùng chung một số phận như họ, tôi đáp:

- Gỡ gì ?

- Sóc đĩa, ít xì, gần đây.

Anh ta đưa tôi qua bãi cát, tới gần cầu, và lên một chiếc thuyền con trở ra giữa sông đến một cái nhà bè rộng rãi. Trong đó, đủ các hạng người đang sâu sế nhau.

Mà trong đó, người hạ lưu không phải là ít. Trong bộ quần áo bản thủ, rách vá, họ ngồi để bị bóc lột, hình như sung sướng lắm. Trong những đồng tiền họ vớt đi, tôi lại nhớ đến bao nhiêu ngày họ phải khó nhọc, vất vả mới kiếm ra được.

Dưới bãi bờ sông thật là nơi tụ họp của người tứ xứ. Chỉ có những người các tỉnh khác, vì kinh tế phải rời làng đi kiếm ăn ở Hanoi. Nghèo thì làm phu, làm thợ, mà giàu có hơn thì buôn bè, buôn nứa.

Cách sinh hoạt trên những nhà bè kẻ cũng có nhiều cái thú vị. Lênh đênh trên mặt sông, nước lên đến đâu dâng cái bè lên lên đấy. Nhiều người quanh năm ở trên nhà bè, sống về nghề chài lưới. Còn những người buôn nứa, đến mùa nước cạn, họ làm một cái nhà trên bãi cát để ở.

Trong chỗ nhà bè ấy với chỗ nhà gianh thấp hẹp, nhiều nhất là những cái vòm tựa như cái cổng làm bằng mũi thuyền cũ, dưới đặt mấy cây nứa để ngủ, nằm rải rác trên bãi cát rộng, ta tưởng tượng như đứng giữa một bãi sa-mục bên Phi-châu. Mà nói cho đúng, cách ăn ở của người mình ở đây cũng chẳng hơn người da đen là mấy.

Ngày họ đi làm, chở nứa hay bó nứa, tiền công độ một hào, hào rưỡi, mà là công việc nhẹ, phần nhiều đàn bà, trẻ con làm. Còn bọn đàn ông thì đi giắt bè, những bè nứa từ trên Chèm về, đóng thành từng lớp, hay khuôn bác những cây nứa. Như thế, họ sống cũng phong lưu. Phong lưu đối với họ, chứ trong bữa cơm với nhà cửa

của họ, ta không thể hiểu sao họ sống luộm thuộm đến như thế được.

Những cái nhà vòm, nhiều cái thì rộng bằng miệng cống mà ở trong, nếu kê một cái giường có lẽ không đủ chỗ. Ánh sáng chiếu vào chỉ rõ những cái chiếu cũ, rách, trải trên sàn, và trong một góc, bát đĩa, quần áo để lộn sộn. Thế mà đêm đến, trong cái cống ấy năm, sáu người, đàn ông, đàn bà, trẻ con lẫn lộn co quắp ngủ một giấc say sưa

Còn những cái nhà hơi ra hồn nhà một tí, thì cũng bán thiu, chật chội như thế. Về mùa đông những tấm phen mỏng đầy lỗ hỏ, trống sao nổi với cái lạnh căm-căm theo luồng gió bắc thổi mạnh trên bãi cát mông mênh - mà những ngày nắng rát, trên mặt trời chiếu xuống chói lọi dưới hơi cát bốc lên, tưởng không còn chỗ nào nóng hơn được nữa.

Họ sống như thế, nhưng họ không lấy thế làm khổ lắm. Họ hình như坦然 nhiên chịu cái số phận vất vả, khó khăn, mà ít khi, ta thấy họ kêu ca oán thán lấy nửa lời.

Nhân nhục, biết phục tòng số mệnh, có nhẽ là cái đức tính to nhất của dân ta, dù ở nơi trên bến, dưới thuyền hay trong lũy tre xanh cũng vậy.

Tường Bách

Phòng Triển Lãm 1935

Chúng ta nên cảm ơn hội Chấn hưng mỹ nghệ và Công Tardieu, người sáng lập ra trường Cao đẳng mỹ thuật, đã mở một phòng triển lãm về đầu xuân năm nay. Mỹ thuật trong nước ta vẫn là một sự mới mẻ : một cuộc chung bày như thế bao giờ cũng được công chúng hoan nghênh, từ những ngày phòng triển lãm mở là những ngày đáng kỷ niệm trong cái xã hội buồn tẻ của mình.

Không có gì làm cho ta vui vẻ hơn khi nhận thấy, tuy trong một thời buổi khi khăn cả về vật chất lẫn tinh thần, nhận thấy cái lòng tín nhiệm về tương lai của các nhà mỹ thuật Các người này đã quả quyết và mạnh bạo phụng sự mỹ thuật, vượt qua những sự khó khăn của thời giờ, hết sức tìm tòi một con đường mới, một thể giới mới, để đổi thay nền mỹ thuật không có mỹ thuật chút nào của nước ta.

Nên chúng ta không được thấy trong phong Triển lãm đầu xuân năm nay, những tài năng mới xuất hiện một cách rõ rệt, chúng ta được theo cái ý chí tiến thủ, giản dị và chắc chắn hơn của các nhà mỹ thuật đã nổi tiếng.

Người cũ

Phòng triển lãm năm nay không có mặt nhà mỹ thuật nào mới. Toàn là những nhà mỹ thuật ta đã biết tên tuổi, những tác phẩm của các nhà ấy đã dựng nên mấy cuộc chung bày rục rở trong mấy năm về trước.

Chúng ta thấy những tên cũ : Lê Phổ, Nam-Son, Tô ngọc Vân, Trần bình Lộc, Các tường và nhiều người nữa, cũng đều là sinh viên của trường Cao đẳng mỹ thuật cả.

Ta lại lấy làm mừng không được thưởng thức những tranh vẽ của mấy nhà mỹ thuật - gọi là mỹ thuật - đã nổi tiếng trong công chúng trước hội trường mỹ thật chưa mở, vì một lối vẽ lòe loẹt, tro trên như chụp ảnh mùì, đã tràn ngập cả các văn phòng, từ các nhà hát cho đến hội Khai-trí.

Chúng ta chỉ tiết nhà nữ họa sĩ Lê-thị-Lựu vắng tên trong phòng triển lãm, reo một sự thất vọng trong lòng mong ước của các bạn nữ lưu tân thời.

Vẽ sơn

Nếu ngay trong phòng giữa, bức chân dung ông thiếu Hoàng trọng Phu của Lê-Phổ làm ta chú ý về cái thân thể chắc chắn và đơn giản - chúng ta cũng nên hiểu rằng

trong một bức truyền thần như thế, nhà họa sĩ phải bắt buộc nhiều điều, - trái lại bức «cô con gái tựa cửa» của ông ta không được đẹp và tinh thần cho lắm, tuy ta cảm nhận thấy nét vẽ già-dạn của một họa sĩ lành nghề.

Bức tĩnh vật của ông ta toàn một màu êm dịu - không phải bức vẽ một vài cành cây khô khan đâu - còn bức vẽ họa người đàn bà nửa người, làm ta chú ý vì cái mùi sáng và mát, sáng nhưng không rực rỡ, mát nhưng không tối tăm. Ông Lê-Phổ thực là một họa sĩ khéo chọn màu để tạo nên một cái hòa hợp có tính cách riêng.

Ông Nam-son, lần này, và cũng là lần đầu tiên hết cả, vẽ những người đàn bà khỏa thân. Muốn tỏ rõ sự căm dỗ mãnh liệt của sắc thịt, ông có ý vẽ thân hình người đàn bà nở nang, đầy tình dục, nhưng không khỏi nặng nề một chút. Người ta chưa được thấy rõ cái quyết định trong sạch của nhà Phật trước sức căm dỗ của ma vương.

Phong cảnh có nhiều họa sĩ vẽ, vì sơn có đủ màu để tả các màu khác nhau của cảnh vật, cây cỏ và mây nước.

Bao nhiêu là ánh sáng linh động trong hai phong cảnh của Tô ngọc Vân và Lương xuân Nhị. Bức họa lãng Tự-đức của ông Vân thật là khéo léo, cái lạng lẽ của một ngôi mộ, những bức tường có rêu bao phủ, những hàng

cây dâm mát, tất cả cái đó đều tỏ ra một cách vừa rõ rệt, vừa kín đáo. Còn bức họa «bên bờ ao» của ông Nhị thật đã tỏ rõ được cái ánh sáng chói lọi của mùa hạ, lấp lánh trên mặt ao nước đọng ở nhà quê.

Bức «mặt ao dưới ánh sáng» của ông toàn một màu mát mẻ, không rực rỡ, giống nước ao dưới trời mùa xuân hay mùa thu hơn là trời mùa hạ.

Ông Tô-ngọc-Vân cũng có một bức họa trên lụa, vẽ một cái cảnh yên lặng, trong nhà êm đềm và mát mẻ lắm. Cái nền hoa mai nở làm cho bức họa thêm xuân - cái đó tự nhiên, vì mai nở trong xuân - nhưng xuân vì cái màu trắng nõn của hoa điểm trong các màu mờ nhạt của bức họa.

Còn bức họa «cô gái có tang» buồn bã, âm thầm của Mai trung Thứ, bức «ngồi nghỉ» đầy ánh sáng của Lê Yên. Mấy bức mùi rực rỡ của Trần bình Lộc, bức «màu vàng hỗn hợp» của ông ta làm cho ta quên cái khó chịu gây nên bởi các màu đen bản thủ và lạnh lùng của Nguyễn Dung, trong bức họa hai cô gái thổi sáo bên cạnh cái lư hương hình quả đào.

Vẽ trên lụa chì và mùi

Từ ngày nguyên Phan Chánh nổi danh về vẽ trên lụa, các họa sĩ cũng tranh nhau vẽ lụa nhiều lắm. Già nữa các tác phẩm chung bày trong phòng triển lãm là những bức trên lụa cả. Nhưng ta ít thấy những tác phẩm thật có giá trị, hay có một lối vẽ riêng hoàn toàn. Về mặt này, các họa sĩ còn đang tìm một con đường đi.

Bức họa «hiện vẽ hoa», cô con gái ngồi yên lặng dưới bức dèm cửa cuốn, của Nguyễn Tường-Lân làm ta nghĩ đến những bức họa mỹ nhân, nét bút linh diệu nhẹ nhàng của họa sĩ Tàu và Nhật. «Trên đường Bắc-kạn» cũng là một bức họa đẹp, nét vẽ giản dị, màu không nhiều. Ông Tân năm nay đã tỏ ra một họa sĩ có bản năng, các hình, màu đã rõ rệt, không có mịt mù như trước nữa.

Ông Nguyễn-Anh có phác họa mấy cô thiếu nữ chải đầu rất có tinh thần : dáng điệu rất đúng, mấy làn tóc buông sõa bên vai, mấy tà áo màu đậm nhạt, làm cho bức họa như hoạt động. Nhưng, trong những bức họa khác, ông đã phạm cái lỗi nó đã làm cho ông Phan-Chánh không tiến được : những bức họa ấy, tuy dùng màu có khác nhau, nhưng toàn màu hòa hợp lại giống nhau - và thiếu nét uyển chuyển, trông ủy mị, loáng mờ lắm.

Ta cũng nên nhận bức «trước bàn thờ» toàn một mùi xanh dịu mát của Lê-Yên, bức «đạn lõng» rất khéo xếp đặt của Lê văn Sin, bức «ông Hộ-Pháp» của Trần-văn-Can, mờ ánh sáng, bức «cô gái bông thủy tiên» ngây thơ của Tôn-thất-Đào.

Ông Vân và Cát tường đều chung bảy bức vẽ chỉ điểm màu. Hai ông cùng một người thiếu phụ làm mẫu, sự ấy làm phân biệt rõ rệt hai cách vẽ : cách của ông Vân đơn giản và mềm mại, có vẻ linh hoạt lắm, cách của ông Tường đậm nét và đậm màu. Máy bản khắc gỗ của ông ta cũng thanh đậm và đẹp.

Ông Cát Tường cũng có mấy bức lụa, muốn vẽ cái ánh sáng linh động trên bãi cỏ, trên mặt nước. Bức «nằm vống» và bức họa «trên thuyền» của ông ta rõ được cái linh động ấy - ánh sáng reo hoa trên cỏ một buổi chưa mùa hạ, hay nhảy múa trên làn sóng của mặt hồ - Nhưng ta muốn ông có một nét vẽ chắc chắn hơn, một loạt màu đúng hơn nữa.

Ông Phạm Hậu có một lối vẽ riêng hẳn, không giống ai. Ông thật là một họa sĩ có cái tài quan sát, biết vẽ những cảnh thường hằng ngày diễn trước mắt, người và vật, rất hoạt động y như thật.

Điều khắc

Điều khắc thật đã tiến bộ một bước gài, nhờ ông Trần ngọc Quyên và G. Khánh - mà cũng chỉ có hai ông ấy. Không kể mấy cái tượng nửa người rất đẹp, ông Khánh mạnh bạo đắp một pho tượng người đàn bà khỏa thân, bẽn lẽn, nét khắc cũng tinh thần, giáng điệu rất đúng. Nhưng, đó là bước đầu - nhưng, toàn thể pho tượng chưa cho ta cái cảm giác rung động của sự sống.

Pho tượng người phu vác hàng của ông Quyên rất đẹp : ông cố tỏ rõ cái khó nhọc, nặng nề của người vác, tuy rằng cái ý ấy ông chưa hoàn toàn đạt được. Cái đường cong của thân người chưa đủ tỏ được sự cố sức, phải có những bắp thịt gân cốt nổi lên ở tay, ở vai và ở bắp chân mới đủ tỏ rõ được chỗ người phu thu hết sức lực vào việc nặng.

Mỹ nghệ thực hành

Các nhà mỹ thuật của ta đã biết săn sóc đến những kỹ nghệ nhỏ nước nhà, mà xưa nay, vì thiếu về mỹ quan, nên không tiến bộ và phát đạt được.

Bây giờ nghề sơn của ta có thể tự hào chẳng kém gì nghề sơn của Nhật. Những cái hộp sơn nhỏ của ông Nguyễn Anh, và ông Nguyễn Khang, những bức bình

phong của ông Lê Phổ, H. trọng Quy, Trần quang Trân và nhiều ông nữa, là những vật trang hoàng rất đẹp, rất nhã, cho ta thưởng thức cái mỹ thuật trang hoàng rất khéo.

Những kiểu đan ren của Cát Tường làm cho nghề này có giá trị, có thể ganh địch được với những kiểu mầu rất đẹp của tây.

Tôi không quên nói đến phòng kiến trúc, chừng bấy những kiểu nhà lộng lẫy của sinh viên ban kiến trúc, thay vào những kiểu nhà lố lăng hiện thời. Kiểu nhà lá ở thôn quê, giản dị, phóng khoáng của ông Luyện được người ta hoan nghênh hơn cả.

Tôi mong kiểu nhà đó của ông sẽ đem đến cho dân quê một cái đời sáng sủa, phong quang hơn cái đời lụp-sụp, tối tăm và ảm thấp mà họ đang sống bây giờ.

Việt Sinh

Ngày Giỗ Trận... Ở Chùa Đông-Quang

Buổi sáng, trời mưa phùn đã làm thất vọng bao nhiêu người muốn đi chầu hội chùa Đồng Quang.

Thất vọng có lẽ vì mấy ngày xuân nhàn hạ, đang lẽ phải đi du xuân ngắm cảnh, mà mưa gió cứ bắt buộc phải ngồi mãi trong nhà, thật là đáng tiếc.

Nhưng cũng may, đến quá trưa, trời lại tạnh ráo. Người ta kéo nhau đi.

Mỗi chuyến xe điện mang đến dưới chân Đống Đa đủ các hạng người, mà nhiều nhất là người Hanoi.

Thật vậy, nếu không có người Hanoi thi hội chùa Đông Quang, dù vào ngày mùng năm tháng giêng, sẽ vắng ngắt và buồn tẻ vô cùng.

Đứng trên Đống Đa trông xuống, tôi thấy họ lũ lượt vào trong chùa hay lên đền Trung-Liệt. Những ông - mà ngày trước ta gọi là công tử bột - loanh quanh, lượn đi lượn lại, hẳn là để ngắm, nhìn những cô thiếu nữ tân thời đi lễ - không biết đi lễ thật hay là để chưng bộ quần áo mới tha thướt như cánh hoa bay trước gió xuân? Nhiều cô cũng lượn đi lượn lại như thế, ý chừng muốn tỏ ra mình cũng bình đẳng bình quyền với bọn đàn ông.

Nhưng có mấy cô xinh xắn phải lẽo đẽo mang vàng hương theo bà mẹ vào chùa là tôi thương hại nhất. Đi chơi xuân bên cạnh một bà mẹ nghiêm khắc, và lúc nào cũng chỉ cấm đầu đi, chỉ cúi đầu lễ hết ban này đến ban khác, đi chơi xuân như thế, thực không còn thú vị gì.

Trong quần áo tươi màu của thiếu nữ Hà-thành, thỉnh thoảng lại sen lẫn tà áo màu nâu non hay giây lưng màu cá vàng của những cô gái quê, từng bọn cùng nhau đi chẩy hội. Các cô vui vẻ cười đùa như sung sướng vui chơi cho hết mấy ngày tết, cho đến lúc lại phải làm ăn vất vả, cày cấy trên đồng áng hay đi buôn bán ngược xuôi.

Riêng có bọn ăn mày ngồi hàng dãy là không vui vẻ tí nào. Bao nhiêu người sang trọng đi qua, mà ít khi họ được một đồng trinh Bảo-Đại. Những già khuyển giáo hát theo nhịp cái gậy tre, còn vui tai, vui mắt hơn là những tiếng xin van của bọn hành khất, nên số phận còn may mắn hơn một chút - tuy cũng chẳng may mắn hơn là bao.

Vì số người đi xem nhiều hơn số người chân thành đi lễ - đây là lẽ tự nhiên trong những hội hè, bất cứ hội gì. Và năm nay lại sản xuất ra một số đông người không đi xem, không đi lễ, nhưng chỉ đi chụp - đi chụp trộm. Song những cô thiếu nữ ngày xuân không lấy thế làm

giận, vì mỗi khi thấy bóng một cái máy ảnh chiếu về phía mình, các cô sẽ mỉm cười và kín đáo đưa tay lên vuốt lại mái tóc.

Trong chùa Đông quang, không có gì lạ.

Tôi đành bác máy ảnh lên đèn Trung Liệt, may ra có cái gì đáng chụp hơn. Nhưng quang cảnh thì vẫn vậy, không khác chút nào.

Có khác, họa chăng ở cái vẻ điêu tàn tạ của ngôi đền. Cái thang gác đã đổ nát, nay người ta ngăn bằng những cành cây khô, với bức tường rêu đã phủ xanh đen trước vẻ hơn hở vui tươi của người và của cảnh vật, như nhắc cho tôi nhớ đến ba vị trung thần, mấy ngàn tướng sĩ hồi xưa bỏ mạng giữa nơi chiến trường đầy máu đổ trong lúc mọi người đương vui sướng đón chào xuân.

Thỉnh thoảng một cơn gió nhẹ thổi qua cành cây trên cái mộ to lớn, như tiếng than của những linh hồn bơ vơ, hơn trăm năm nay hằng mong nhớ quê cha đất tổ.

Trong đền, khói hương nghi ngút đưa lên quần lầy mấy cái bài vị, như muốn tỏ lòng thương hại cùng những tử sĩ, tuy là thù địch trong lúc sống, nhưng anh em chôn cùng huyết trong cái chết. Lòng thương hại ấy dù có thực đi nữa cũng không đủ an ủi, vì nếu những

linh hồn ấy cảm thấy được, tất sẽ phải chán ngán về lời khấn vái của những người đi lễ, bất cứ đền, miếu nào, cũng «Nam vô a di đà phật !» và câu khấn những đức Thánh, đức Mẫu ở tận đâu đâu.

Trong số đông người ấy chỉ thấy những người đi chơi, hay đi câu lộc, câu phúc, may ra mới tìm thấy một người nhớ đến - nhớ đến thôi - cái chết thương của các ông Hoàng Diệu, Đoàn Thử, Nguyễn-tri-Phương. Và ngày hội là ngày giỗ trận, kỷ niệm cái trận oanh liệt của vua Quang Trung Nguyễn Huệ.

Người ta quên đi như thế cũng không có gì là lạ hết. Hội chùa Đồng-Quang cùng chung một số phận như bao nhiêu hội khác, như ngày giỗ tổ ở đền Hùng-Vương hay hội đền Kiếp-Bạc bây giờ chỉ còn là một ngày cho thiên hạ đi xem, đi lễ. Ý nghĩa của ngày hội, nay đã mất rồi.

T. Bách

Trước Vành Móng Ngựa

Chỉ vì con chó săn

Bùi-Độ-Diễm có cái bộ mặt gân guốc buống bình của một anh bếp hầu một viên đội tây, phải buộc vào tội thóa mạ viên chức nhà nước lúc đương hành sự.

Chắc Diễm thường được trong «quan» đội - mà Diễm đương cái hân hạnh làm bếp - ra uy hồng hác với bọn lính ở dưới quyền «quan» nên Diễm coi thường bọn «phú lít» mà Diễm nhăm với lính tập.

Sự nhăm lẫn ấy đã đưa Diễm ra trước tòa.

- Bẩm, con không dám đánh ông ấy ạ.

Ông Chanh-án - Thế sao do người ta lại rách ?

Bùi-độ-Diễm - Bẩm tại ông ấy ngã xe đạp. Thấy xe đạp con không có đèn, ông ấy đuổi con, chặn đường thế nào lại húc ngay phải vệ đường, ngã sóng soài ra. Nếu con không đến đỡ giầy, thì ông ấy bắt thế nào được con.

Ông Biện-ly - À, ra làm ân nên oán đây.

Vũ văn-Tur, người nhỏ và gầy, co ro trong chiếc áo bành tô rộng, để ý lắm mới trông thấy bộ mặt hốc hác, có vẻ khó khăn. Giá thử đem để bên một viên đội xếp

bên Anh hay bên Mỹ thì vị tất đã cao quá đầu gối họ. Trông bộ dạng viên «phú-lít» Tư, người ta mới hiểu cái thái độ quật cường của Diễm.

- Hôm ấy, tôi «xe-vít» ở phố «Dô-lăng», tôi thấy «oong anh-đi-đen» lúy đi xe đạp không có «luy me».

Viện Thông ngôn - Biết tiếng tây thì cứ nói tiếng tây, bằng không thì nói tiếng ta, chử đừng bắt chước ông nghị «phút a la pooc» như thế (cử toạ cười).

Vũ-văn-Tư - Vâng (chi vào Diễm) Tên này đi xe đạp không có đèn, tôi bắt mang về bóp, rồi nó đưa tôi về nhà nó ở phố Sinh-ứ. Về đến đây, nó chạy thẳng vào nhà, cho vợ ra «xin» tôi. Tôi không nghe, nó bèn ra sừng sộ, đâm tôi hai cái vào ngực làm rách cả áo, vỡ cả đồng hồ, gãy cả bút chì, rồi nó giựt cuốn sổ tay của tôi lôi vào nhà mát.

Tư phanh áo bành tô, chỉ vào chỗ áo rách, lấy cái bút chì gãy và móc cái đồng hồ quả quít vỡ mặt kính để lên tay :

- Đây, quan xem. Tang chứng còn rành rành ra đây.

Ông biện Lý - Đồng hồ và bút chì của anh bị thương, còn anh có bị thương không ?

Vũ-văn-Tur - Bẩm không việc gì. Duy nó bảo con là đồ chó săn, nên con xin tòa làm tội nó.

Bui-độ-Diễm - Bẩm quả thực con oan. Con không bảo ông ấy là chó săn. Còn cuốn sổ tay, ông ấy đánh rơi xuống đất, vợ con nó nhặt được đem giã, thế là chúng con tử tế lắm rồi.

Ông chánh án - Dễ thường anh đợi người ta cảm ơn anh nữa chắc ! Anh còn điều gì nói nữa không ?

Bùi-độ-Diễm (ngập ngừng) Bẩm... quan đội con thường bảo ở bên Pháp, phú-lít, mật thám lại thích cho người ta coi là chó săn tốt, phanh ly-me (fin limier). (cử tọa cười).

Ông chánh-án - Đây không phải ở bên Pháp. Bốn mươi quan tiền phạt.

Lần sau, trước khi dùng chữ dịch, chắc Diễm phải nhớ rằng mình ở bên Annam.

Tứ-Ly

Đánh Vật

Ngày mồng bảy và mồng tám tháng riêng năm nào, làng Mai-động cũng có cuộc đánh vật.

Vật là một môn võ có đã từ lâu ở nước ta. Ngày xưa, món đó thịnh hành, nhưng bây giờ tuy là một thời buổi người ta hô hào thể thao nhất - môn võ đó hầu tàn, không còn mấy người biết. Các đô vật có tiếng mất dần.

Trong cuộc vật làng Mai-động, tuy cũng có ngót hai mươi người dự giải, nhưng người giỏi, lành nghề thì ít lắm vì sự xếp đặt cuộc vật không có quy củ, trật tự, nên cuộc vật không công bằng, khó mà lựa trọn được người hay, người dở.

Hôm đó có một ông cụ tuổi đã già, tóc bạc mà gân cốt dẻo dăng, miếng vật nhanh nhẹn và tinh tường lắm. Ông ta vật ngã luôn năm, sáu người trai trẻ. Đến keo thất bảy, ông bị một người khác đánh ngã. Người này đắc chí lắm, vì hấn đã vật được ông già đó là một tay vật có tiếng.

Nhưng vật luôn năm, sáu keo với những người sức lực, ông già đó tất phải mệt. Sự thua của ông không có ý nghĩa gì cả. Vị tất lúc đầu ông đã thua người kia. Tôi thật tiếc cho ông ta vì sự xếp đặt không khéo, mà không

tổ tài được hoàn toàn.

Đi đến đâu, bất cứ trong công cuộc gì, ta cũng nhận thấy cái khuyết điểm lớn của người mình : không biết xếp đặt. Vì lẽ đó, bao nhiêu cái hay, không cứ về thể thao hay công nghệ, không bao giờ vượt khỏi ra ngoài cái lũy tre làng.

Xem như ở bên Nhật, món vật được người ta chú trọng và khuyến khích đến nỗi có nhiều người từ lúc bé đến lúc nhón, chỉ có chuyên tập về vật. Người Nhật vốn lùn, mà không biết họ làm thế nào nhưng đồ vật phần nhiều cao tới một thước bảy, một thước chín; sức lực họ không cần phải nói.

Môn vật ta cũng nhiều miếng hay, bí hiểm, nhanh nhẹn, mềm dẻo. Nhưng miếng khóa, miếng hãm, cũng hiểm hóc, chặt chẽ, ra vào khuôn phép lệ làng.

Nghề không phải nghề giở, chỉ tại người mình không biết cách khuếch trương cho nó đầy thôi.

Nếu không có sự đổi thay, nghề vật nước ta sẽ cũng vẫn như trước, nghĩa là một trò chơi giải trí ở sân đình cho dân làng mua vui. Cái chỗ đất nhỏ mọn ấy, cái phạm vi chật hẹp ấy, nghề vật ta cũng khó mà vượt ra được, nếu người mình không biết xếp đặt cho khéo léo hơn.

Thật là một sự đáng tiếc và đáng phàn nàn.

Phóng viên Ngày Nay

Ông Lefèvre Và H. Đ. Sinh An-Nam

Vừa ở Melbourne là một kinh thành lớn, đô hội có tiếng ở Thái-Bình Dương, vừa dự một cuộc đại bí của hàng vạn H. Đ. S. Úc châu... mà tới Hanoi là một tỉnh chỉ có tiếng ở sứ Bắc-kỳ, rồi lại lặn lội qua mấy con đường chơn, lội, ven ruộng - vào ngày mưa xuân ướt át lạnh lùng - tới rừng Sắt... thăm Hướng Đạo sinh Việt Nam lớn nhỏ chỉ hơn 200 người, từ Hanoi, Hà-đông, Bắc-Ninh, Thái-Bình, Haiphong tới.

Trước cái cảnh «ra bể vào ngòi» ấy, ông Lefèvre - một lão thành uỷ viên H. Đ. Pháp - cảm tưởng ra sao? Liệu có lấy làm «tẻ ngắt» và «thất vọng» cho phong trào H. Đ. sứ này chăng ?

Tôi đã được cái hân hạnh tiếp chuyện ông rồi cùng ông từ Hanoi sang rừng Sắt - ở đó ngót hai ngày một đêm - Tôi được biết rằng ông Lafèvre không những không thất vọng, mà lại rất hy vọng, rất vui vẻ, thực tình, khen ngợi cho H. Đ. ta nữa.

Ông đã xem xét cách sắp đặt, đã mục kích cách chơi đùa, đường học hành và tu trì tu thân của anh em H. Đ. ở Annam, ông chắc rằng sau này phong trào H. Đ. ta còn ngày ngày bành trướng và kết quả sẽ rất tốt tươi.

Ông ân cần khuyên dẫn anh em H. Đ. nên cầu «phẩm giá hơn số đạ», ít mà hoàn toàn chu đáo, còn hơn nhiều mà sai lầm hay «bã», «vỏ» ! Bước chậm mà bước chắc chắn, đi đến đâu vững vàng tới đó, còn hơn hấp tấp tiến mau mà hụt lỗ.

Ông nói :

H. Đ. không có ý gì đến «Bình gia quân sự»; H. Đ. không cốt ý du lịch mà cũng không khuynh hướng hẳn về một mặt Thể dục, như nhiều người đã tưởng lầm (không những ở Á Đông, mà chính ở Âu Mỹ cũng có nhiều người nghĩ sai như thế). H. Đ. là một cách giáo dục hoàn toàn cho thiếu niên. Đức dục trí dục, thể dục... đẳng nào cũng chuyên trọng như nhau cả. H. Đ. cốt ý làm cho trẻ được khỏe mạnh nhanh nhẹn, ăn ở có kỷ luật đạo đức, biết tự trọng, tự thân độ thân và làm những điều thiện ích. Sau này trẻ có ý sáng kiên, có lòng đại độ khoan nhân, ở ăn nghĩa-hiệp, là nhờ ở giáo dục H. Đ. mà ra cả...

N. P.

(Phóng niên Ngày Nay)

Buôn Người

(Tiếp theo số 2)

1929, năm mẹ-mìn

Nếu ta có thể gọi : 1930 là năm quần vợt, năm 1931 là năm bàn ma, 1932 là năm biển động, 1933 là năm yo-yo, 1934 là năm phụ nữ y phục cải cách thì ta cũng có quyền nói : 1929 là năm mẹ mìn.

Mẹ mìn ! hai tiếng xưa nay chỉ dùng để dọa trẻ con hay để trở một hạng đàn bà chuyên nghề đi bùa thuốc buôn người, hai tiếng bấy lâu ta vẫn cho là một danh từ ảo tưởng, bỗng trở nên những tiếng thông thường, một câu truyện quái gở, náo động dân tâm, khiến chính phủ phải lưu ý đềđến và dư luận sôi nổi một hồi.

1929, năm mẹ mìn !

Nhưng thực ra, mẹ mìn không phải đến năm 1929 mới xuất đầu lộ diện, mà vẫn có từ khi nước ta bắt đầu nội thuộc nước Tàu.

Trung-hoa, ngoài văn hóa Khổng, Mạnh, còn đem đến cho ta những cái ảo thuật, bí quyết của một dân tộc thâm trầm, hiểm hóc, có lắm sự tín ngưỡng lạ lùng và kỳ quặc.

Trong số ảo thuật, bí quyết ấy, bùa thuốc mẹ mình là một.

Đọc truyện cổ tích Tàu, ta thường thấy bọn vương tôn công tử muốn chiếm lòng một cô thiếu nữ bình dân, không có cách gì mầu nhiệm hơn là dùng môn thuốc mẹ mình để mê hoặc lòng người thiếu nữ và thỏa lòng vật dục.

Ta lại thấy nhiều nơi có tục tế thần bằng người sống. Hằng năm, những làng, quận nào có những ông thánh thích soi thịt người, vẫn phải sai người đi tìm bọn mẹ mình để mua người làm đồ tế lễ.

Nhưng môn thuốc mẹ mình chẳng những chỉ ứng dụng ở nước Tàu.

Bọn tham quan, ô lại Trung-hoa trong mấy trăm năm cai trị đất Việt sau khi vợ vét đầy túi, bèn nghĩ đến cách dẫu của, để lại cho con cháu. Họ tìm những nơi kín đáo, đào một hang thật sâu, xây đắp kiên cố, rồi kén mua một người con gái còn trinh tiết, bắt ăn chay đủ ba tháng mười ngày.

Đến ngày thứ một trăm, chờ cho lúc trăng đã lặn, canh đã thật khuya, họ rước người con gái đồng trinh ra chỗ dẫu của, đặt lên bàn tế lễ, phủ trú một hồi lâu rồi

đem chôn lẫn cả người với vàng bạc xuống hầm để của. Họ tin rằng những cái hầm ấy sau này sẽ thành những chỗ linh thiêng, người ngoại không ai xâm phạm đến được.

Cái tục mê tín, dã man này có hay không ?

Ta không thể biết, vì chính mắt ta không được mục kích những thủ đoạn ghê gớm ấy.

Có một điều là có thể chắc được là hình phạt Trung hoa xưa nay đã nổi tiếng là một thứ hình phạt độc ác ta không thể tưởng tượng đến.

Thì chôn sống một cô con gái Nanam để làm thần giữ cửa, đối với một dân tộc mê tín, dị đoan như dân tộc Trung hoa, những bọn Tô Định, Liễu Thăng chắc không lấy gì làm quan tâm.... cho lắm. Mà bọn mẹ mìn cũng lợi dụng cơ hội ấy để bán chạy món «hàng người».

Ngày nay, nhờ óc khoa học, sự đề của phong thần chỉ còn là một câu truyện hoang đường.

Bọn mẹ mìn bèn dùng phương thuốc huyền bí của mình vào kế sinh nhai khác : nghề buôn phu đi Tân-thế-giới.

Gặp lúc kinh tế rồi rào, nhân công vừa đắt lại vừa hiếm, nghề mộ phu trải qua một thời kỳ rất khó khăn.

Trong khi ấy, mấy cái hoang đảo vẫn thiếu người khai khẩn, bọn cai mộ chạy tới tấp khắp miền trung châu, dựng cờ chiêu phu, và dăng lời ngon ngọt để dụ dỗ dân quê. Tuy vậy, chẳng mấy người chịu bỏ làng ra đi, vì no ăn, họ không cần nghĩ đến sự tha phương cầu thực.

Không lẽ bỏ một mối lợi to như mối lợi mộ phu, - hiện nay có nhiều nhà tư bản giàu có về nghề này, - bọn cai mộ bèn nghĩ ra một kế : hợp tác với bọn mẹ mìn.

Rồi sau khi bản hiệp ước cai mộ và mẹ mìn đã ký, luôn luôn ta thấy các nơi báo tin chỗ này mất con, chỗ kia mất vợ.

Bọn lái buôn người chia nhau đi từng ngã, từ thành thị đến thôn quê, quuyến rũ, bùa thuốc, cốt tìm được nhiều người mang về cho chủ mộ.

Tiếng khóc lâm li, ai oán của những người mất con, mất vợ vang động một góc trời. Rồi thì, ai có thể lực, muốn tìm người nhà, chỉ đến sở mộ phu là thấy.

Dần dà, việc ra đến tòa án. Quan tòa cho là một câu truyện vu vợ, hoang đường không chịu xét.

Được thể, bọn mẹ mìn càng hoành hành, làm bại liệt bao nhiêu gia-đình và reo mỗi lo sợ khắp trong làng xóm.

Dân chúng trừ mẹ-mìn

Nhờ pháp luật không thấy hiệu nghiệm, lòng công phần của dân chúng lên đến tột điểm. Người ta bèn nghĩ cách đối phó với bọn mẹ mìn.

Những đội quân trừ mẹ mìn bắt đầu tổ chức khắp trong các tỉnh Bắc-kỳ. Họ cùng lấy một khẩu hiệu : đánh cho kỳ chết hết bọn buôn người.

Rồi từ nhà quê đến kẻ chợ, không có mấy ngày không có đám đánh mẹ mìn.

Mỗi khi trông thấy một người đàn bà lạ mặt, láu lĩnh lẳng vẳng ở chợ hay trước một hàng nước, lân la hỏi truyện, một người tinh mắt hô lớn lên: mẹ mìn !

Nghe thấy hô, hàng trăm người đô xô lại đánh con mẹ mìn một trận nhừ tử, không tiếc tay.

Trong khi ấy, việc mộ phu vẫn tiến hành. Lòng công phần của dân chúng theo đấy ngày một thêm bùng bột. Việt trừ mẹ mìn lại càng bội phần hăng hái.

Đứng trước cái phong trào náo động ấy, dư luận không thể không lên tiếng được. Chính phủ dần dần cũng phải lưu tâm đến vụ án mẹ mìn.

Đồng thời, ta thấy việc mô phu từ từ lại. Cho đến lúc tiếng súng phố chợ Hôm nổ giữa hôm ba mươi tết, vua mô phu Bazin thở hơi thở cuối cùng trong vũng máu, cái án mẹ mìn mới gần như kết liễu...

Hai tiếng mẹ mìn lại bằng đi trong một thời kỳ khá lâu...

Sự tình cờ, thần hộ mệnh của bọn phóng viên

Trên chiếc tàu Kim-sơn, chạy Haiphong Moncay, hành khách hạng ba nằm ngón ngang ở sàn, nói truyện rì rào như muốn quên khúc đường xa trong đêm trường lạnh lẽo.

Bên ngoài, gió thổi vi vút, sóng vỗ vào mạn tàu ầm ầm như gầm, thét. Tôi khoác áo, khóa cửa phòng lại, ra sàn tàu, ngồi góp truyện với những bạn đi đường cho vui.

Cạnh tôi, một ông lão, đầu tóc đã bạc phơ, nhưng trông hai con mắt vẫn còn quắc thước. Trên ngực ông lủng lẳng mấy chiếc mè-day, tỏ ra ông đã lập được nhiều công với chính phủ.

Tôi làm thân trước, đưa gói thuốc lá mời ông cụ hút, tôi bắt đầu tán :

- Thừa cụ, chắc lúc cụ còn tại chức lập lắm công trạng nên mới được thưởng nhiều huy chương thế kia. Ít ra cụ cũng được hàm bát phẩm và ăn tiên chỉ trong làng thì phải.

Cụ Bát... vì chính là một ông Bát trăm phần trăm có vẻ đặc ý, vuốt râu, cười một cách thực tình :

- Sao thầy đoán trúng thế. Hay là thầy biết xem tướng.

«Tôi xuất thân làm lính đoàn từ năm ba mươi hai tuổi. Hai mươi tám năm ở trong sở thương chính, tôi đã giúp các ông tây đoàn bắt được nhiều hàng lậu trên con đường Haiphong-Moncay. Bây giờ ông có thể hỏi tới lịch sử từng tảng đá, từng cái hang, tôi cũng có thể nói rành rọt cho ông nghe được.

«À quên, nãy giờ tôi chưa kịp hỏi ông ra ngoài này làm việc hay đi thăm bà con ?

Tôi làm bộ mặt buồn rầu, thê thảm :

- Chúng tôi nói dẫu gì cụ, tôi có đứa cháu chẳng may bị mẹ mình đổ mắt, nên gần đến tết, tôi còn phải bôn ba ra ngoài này dò la tin tức. Cụ ở đây luôn, lại vừa giao du

rộng, chắc cụ biết hết tình hình bọn buôn người. Giá cụ cho chúng tôi biết một vài câu chuyện về cách đem người sang Tàu thì may cho chúng tôi lắm.

Cụ Bát bỗng xa xăm nét mặt, giọng nói khàn-khàn :

- Thế ra ông đi tìm người nhà. Chính tôi trước đây cũng có một đứa con bị mẹ mình bắt mang sang Tàu bán, sau cháu nó lại tìm được đường trốn về, nay vẫn ở nhà với tôi.

Bấy giờ tàu gần cập bến không kịp nói hết câu chuyện, vậy mai mời ông lại chơi nhà tôi, tôi sẽ giúp ông ít tài liệu để dò la tông tích người nhà.

Sau khi biên kỹ số nhà và phố của cụ Bát, tôi cảm ơn cụ để về phòng sửa soạn xuống tàu.

Nhưng người đáng cảm ơn nhất lúc bấy giờ có lẽ là ông thần hộ mệnh của bọn phóng viên. Sự Tình Cờ đã làm cho tôi gặp cụ Bát. Một sự may mắn tôi không ngờ đến...

(Còn Nữa)

Nhất-chi-Mai

10 Février Ngày Từ Thiện Giúp Nạn Dân Nghệ-Tĩnh

Hanoi

Cuộc chợ phiên mở tại hội quán Khai-trí được kết quả mỹ mãn. Người ta chú ý đến cuộc thi sắc đẹp cô Ái-Liên chiếm giải hoa khôi.

Thái-bình

Cùng với các tỉnh khác, Thái-bình cũng gánh vác một phần trong việc cứu giúp đồng bào bị nạn phía bắc Trung-kỳ.

Gặp dịp đầu xuân, trong lúc hoa đào chúm-chím, sắc pháo đầy hè, cuộc chợ phiên mở tại hội Tri-tri ngày mồng bảy tháng giêng vừa rồi được dân thành phố và các nơi lân cận hoan nhênh nhiệt liệt.

Từ bảy giờ sáng, mấy gian hàng hoa quả, kẹo bánh của các bà, các cô đã chật ních những người thưởng xuân.

Rồi thì dưới những cửa kết lá chen hoa, những cô thiếu nữ lộng-lẫy trong chiếc áo tân thời, hay thùy-mị dưới bộ y phục kiểu cũ, tươi cười chào đón khiến cho khách mua hàng vui lòng tán trợ cuộc từ thiện và bỏ

tiền không thấy tiếc.

Nhiều cậu hướng-đạo sinh và mấy em nhỏ Sói Con đoàn Trần-Lãm đi gấn mê-day khắp trong chợ và bán mấy thứ hàng rong, kết quả rất là mỹ mãn.

Chín giờ bắt đầu thi sắc đẹp. Tất cả chục cô ra dự thi, toàn là con nhà khuê các. Cô Phương ở Thái-Ninh được hội đồng công nhận là đẹp nhất.

Đến buổi chiều, mấy gian hàng đã thấy vắng và các đồ hàng bán đã gần vãn. Lúc này là lúc thiên hạ nô nức vào các cuộc vui chơi.

Những cánh hoa giấy bay lượn trên trời như muôn nghìn cánh bướm, tiếng cười đùa vui vẻ chen lẫn với những khúc nhạc du dương, rõ ra cảnh thái-bình lạc hội.

Rồi đến lúc trời đã tối sẫm, cuộc chợ phiên đã bế mạc, công chúng mới lục tục ra về như còn tiếc cuộc vui buổi đầu xuân hơi ngắn ngủi, và muốn cùng nhau hẹn hò một buổi mai sau...

Nam-định

Hội Tri-tri diễn kịch Kiềng I-II, Lính mới tập đi của Khái-hưng và Mơ hoa của Đoàn-phú-Tử, đã đăng trong Phong-hóa.

Hải-phòng

Chiều hôm thứ bảy, Hải-phòng hiện ra quang cảnh một ngày hội. Trận mưa sùi sụt mấy ngày trước cũng tạnh hẳn từ ba bốn giờ trước khi mở cửa «chợ». Các ông tổ chức ở hội A. F. A. mừng mà dân thành phố lại mừng hơn. Ai cũng trông đợi dự cuộc chợ phiên để mua vui, vừa làm việc phúc nhân thế.

Phố Paul-Doumer, hồi 5 giờ chiều, người ta kéo đến trước hội quán A. F. A. rất sốt sắng. Những nụ cười tươi nở như cánh hồng trên cặp môi các thiếu nữ đứng gần «bội tinh» giấy cho các người bước vào. Lời các cô cảm ơn thay cho dân bị nạn nghe rất ngọt ngào, nên tiền trong túi của người «đi chợ» cũng vui lòng chui vào hòm tiền quyên. Trong sân hội quán, đèn điện sáng chung, người qua lại mỗi lúc một đông thêm. Hoa giấy tung bay như mưa sự vui mừng xuống. Mấy gian hàng bánh ngọt, gian «chơi tũn sứt», gian quay số, gian câu «cá thần» đều được khách đến nhiều.

Người ta ưa những lời đón-đả của các cô bán hàng cũng như ưa ném bóng cho xã Xệ, lý Toét và cô Ba Vành ở gian Boule de massacre.

Cả ngày hôm sau, chủ nhật, từ sáng đến chiều tối, cảnh hoạt động trong chợ cũng không bao giờ ngớt.

Cuộc vui thay đổi luôn mà cuộc nào cũng được kết quả mỹ mãn. Người dự chợ phiên thực được vừa lòng như người giở một cuốn sách khôi hài mà trang nào cũng thấy những câu truyện có ý vị với những tranh ảnh có duyên.

Cho nên đến khuya, chợ vẫn dần, mà bước chân ra người ta vẫn tiếc rằng ngày «họp chợ» ít quá.

Phóng viên Ngày Nay

Trong Làng «Chạy»...

Phóng sự giải của Trần-trọng-Lang

Đây là một thiên phóng-sự, tả cái đời sinh hoạt và những cách hành động. nhưng mưu hay, chúc lạ của bọn «ăn cắp» từ nhà quê đến thành thị.

Từ hai thằng «yêu vỏ quạnh»...

Chợ Đồng-Xuân. Một buổi sáng. Lấy chỗ những con chó cụp đuôi đứng liêm là gói bánh hay đóng rác ở các chợ nhà quê, hai thằng bé đứng «hít» mẹt bún chả.

Hai tay khoanh đẽ sau gáy, chúng thỉnh thoảng nuốt nước rãi.

Người gầy, quần áo rách. Người ta không hiểu hai bộ tả ấy của duyên nợ gì với hai cái thân ốm yếu ấy mà chưa rời.

Như những quả táo non héo từ trên cành, mặt chúng quắt queo, vàng úa, có một bộ vẻ lạnh lùng, vô tri giác.

Chúng nhìn cách lên, xuống gọn gàng của đôi đũa gấp bún, chúng nhìn nhau. Tôi giám nghĩ rằng thằng nó đang mong thằng kia hóa ra một thứ... đồ ăn được.

Người ăn bún đã quệt đũa ngang mồm.

Chúng nhướn lông mày lên, chớp mắt rất thông thả, rồi thở giải : chỉ trong một giây đồng hồ, cái đói âm thầm hiện dưới những nét đau đớn, ngây thơ.

Tôi lại gần chúng nó, để vào tay thằng bé lớn nhất một hào bạc :

- Các em đói ?

Nó mỉm cười như đứng trước cái kẹo của một thầy đội cảnh-sát, nhìn đồng hào mà nói :

- Bìa !

Cả hai nắm tay nhau, âu yếm nhìn nhau, rồi âu yếm quàng vai rất nhau quay đi.

Tháng bé nhất còn quải cổ nói với tôi rằng :

- Bác đùa làm gì thế ?

Tôi hiểu lắm : cũng như con chó bị đòn nhiều quá đến ngờ vực sự vuốt ve, âu yếm, chúng nó hai con «người ngay» ấy, sợ cả đến tấm lòng tử tế của loài người.

Buổi chiều. Chợ gần vắng.

Tôi để ý tìm thằng bé buổi sáng, nhưng không thấy

chúng đâu cả.

Hỏi thăm một thằng «bắt-tê» đã lớn tuổi. Nghe nó trả lời:

- À! phải rồi ! hai thằng ôn con ăn cắp ấy chứ gì ?

- Chúng là hai thằng ăn cắp ?

- Phải ! chưa ăn cắp, nhưng lúc nãy mới nhờ của một bà đi mua hoa một chục bánh ga-tô, đem ra số chợ, chia nhau ngón lấy ngón để. Bà ấy bắt được, giã cho một trận ọ ạt cả bánh ra.

Tôi chợt nghĩ : cái bà nào đó cũng như tôi, mua một chậu hoa, có thể hớ đến vài hào, mà vẫn tự an-ủi : thôi ăn tiêu về nhiều. Họ nghèo, mình giàu, nên họ mới bắt chẹt !

Mất một hào bánh ga-tô thì lập tức hô lớn :

- «Đánh cho kỳ chết !»

Ăn cắp chứ không phải bắt chẹt, tuy rằng thế mà suy rộng ra, bắt chẹt có nghĩa ngang với «đánh cắp».

Nghĩ thế rồi tôi lại hỏi :

- Thế bây giờ chúng đâu ?

- Ở bóp.

Một thằng ở đâu đến, chỗ mồm vào :

- Không, không, còn một thằng «oắt» hơn, chuồn được, nhưng mà cũng rừ xương rồi. Chính tớ cũng cho một cái ục phải biết, khá quá ! lại chực lăm le đi đội rỏ tranh cả các cha nó nữa !

Tôi hỏi một lần cuối cùng :

- Chúng là con cái nhà ai ?

Hai, ba mồm trả lời tôi một lúc :

- Ma-gà-bông ấy chứ còn «con» ai !

«Ma-gà-bông», theo họ, nghĩa là không có bố mẹ, hay là không người bên vực.

Ra đời trong buồng nhà thương làm phúc, hay là nằm ôm «rau» ở vỉa hè từ lúc lọt lòng mẹ, chúng sống để chịu câu chửi, cái đập của người đồng xứ, sống để làm cho một bọn giàu thềm thường cái sự «biết đói» của chúng.

Chúng thuộc về đội quân vô thừa-nhận, giữa trưa trèo xâu trước cửa bóp, hay là kiếm củi trong «rừng Paul-Bert» để tạo nên một cái trong nhiều cái đặc điểm của

một thành phố văn minh trù phú.

Vì không có ai che chở, nên đã chịu một trận đòn thù mà đáng lẽ người ta phải để dành cho một tội «chạy» (ăn cắp) chuyên môn có tổ chức, kỷ luật đang lượn như rôi trên các tàu thủy, xe, trong chợ, ở các chỗ nào có người.

Hai thằng bé ăn nhờ bánh ga-lô sẽ là thân-tử của «làng chạy» sau khi khai tâm ở cọc đèn xe, rổ chình, mẹt bánh, làm những «yêu vồ quạnh», (kiếm từ con cá, lá rau).

Ông muốn biết một thằng thuộc về hạng đó ?

Thì chấp tôi, ông hãy đến những phố hàng Gai, hàng Bông, hàng Hòm, hàng Mành giả vờ vô ý để cho chúng lấy đèn xe rồi lập tức ông đi tắt qua phố hàng Mành đón chúng ở đầu hàng Thiếc.

Hai lần mất đèn, hai lần tôi đều lấy lại được bằng cách bắt chúng ở đầu hàng Thiếc, chỗ chúng tiêu thụ đèn ăn cắp.

Chúng hay đi đôi, trạc mười ba, mười lăm tuổi rách rưới, đói mèm, thiếu não.

II

Một cái chợ ăn cắp

Hay là ông đến phố Mới, nơi xuất thân của những thằng cu, cái đĩ, muồn nếm mùi cơm Hanoi.

Trước nhà Vạn-bảo. Một buổi sáng. Mặc quần áo lao-động, tôi thơ thẩn ở vỉa hè như một người thất nghiệp nhìn một lũ «yêu» hoạt động, dưới con mắt «hoa tiêu» của một vài thằng «Cản» hay một vài thằng «chàm phố».

(Thằng cản; chàm phố : ăn hót).

Hai đứa trẻ đánh nhau. Một bà đã đứng tuổi ở nhà hộ sinh N. T. H. bước ra, đứng lại, và sắp sửa can thiệp. Hai đứa xô nhau, đụng vào bà.

Cuộc đấu tan. Bà đi vài bước, bỗng kêu lên một tiếng «Mười lăm đồng trong túi, kẻ cắp đã ‘moi’ mất lúc nào không biết».

Bà tóm lấy một đứa trong hai đấu thủ. Dem vào nhà hộ sinh tra hỏi, nó một mực kêu oan. Thì lúc đó, một thằng ngót hai mươi tuổi, đầu đội mũ dạ cũ, tay quàng ô, thùng thẳng len vào.

Trông thấy nó đội mũ, đi ô trong lúc trời không nắng này, tôi chợt nghĩ ra thằng «cản». Đứng xa mà nhìn, thấy nó liếc mắt ra hiệu cho thằng bé. Lệnh đã ra, thằng bé ừ ào thú nhận và theo lên bóp.

Sở cảnh-sát nhận nó là một tháng ăn cắp đã nhiều «phích» (lỗi).

Cả ngày hôm đó, nó đưa một thầy «Cóm cộc» (đội xếp ta) và «bỉ tởm» (bà có của) đi loanh quanh chỗ này, chỗ khác để tìm cho ra thủ phạm và mười tám đồng bạc.

Cả hai người đều mắc vào kế «hoãn binh» của thằng yêu ấy.

«Hiếc thịt»

Một thằng mua phở. Gắp một miếng thịt bò to tướng còn nóng hôi hôi để lên trên thớt, rồi quay lại rúng bánh, bác hàng phở không nhìn khách hàng vừa nhắc miếng thịt truồn ra sau lưng.

Đằng xa trong bộ tịch khách hàng rất buồn cười : sau lưng nó chuyền miếng thịt nóng tay nọ sang tay kia cuống quít; mắt chớp lầy chớp để, môi trúm lại, mồm suýt soa rồi rít.

Miếng thịt rơi xuống đất, nó lấy chân đã hất ra xa, thì một thằng thứ hai vừa lại kịp lấy mang đi.

Bác hàng phở vẫy bánh xong đang mãi nhìn một thằng trượt vỏ dừa, và cười to bằng hai, ba người cười một lúc.

(Còn nữa)

Trần-trọng-Lang

Dưới Bóng Tre Xanh

Khái-Hung

(Tiếp theo)

Thôi, chào cụ, chào ông.

- Bác hãy ngồi chơi đã.

- Thưa cụ, tôi bận lắm.

Người lính trạm hấp tấp ra đi, để lại mấy mẹ con bà Nhi và phong thư mà vì thói quen hay lo sợ hãi, họ định ninh rằng chỉ đưa đến cho họ toàn những sự không vui. Khi người ấy ra khỏi cổng thì vợ Dao cùng hai con ở nhà cha mẹ để vừa về. Nét mặt có vẻ lo lắng, nàng hỏi chồng :

- Thư gì đấy, thầy thằng đá ?

Bây giờ Dao đã mở thư ra đọc xong, mồm cười bảo mọi người :

- Anh Thanh đổi về dạy trường làng ta.

Bà Nhi hớn hờ sung sướng, nhất là lại đương lo bức thư kia báo tin buồn:

- Ô ! thế thì quý hóa nhĩ !

Vợ Dao hỏi :

- Cậu giáo Thanh con bác phán, bạn của thầy ngày xưa có phải không ?

- Chứ còn Thanh nào nữa.

Cúc đứng lắng tai nghe truyện, cũng bàn góp một câu:

- Ngày thầy ốm, anh giáo về thăm nom, coi thầy như cha ấy nhỉ.

Vợ Dao tiếp luôn:

- Hình như lúc thầy hấp hối có dúi dặng lại cho anh giáo những gì ấy mà.

Dao lạnh lùng đáp :

- Cũng chả biết nữa. Nhưng mẹ ạ, anh ấy ngỏ ý muốn ở trọ nhà ta đây, mẹ nghĩ sao ?

- Thì mầy để anh ấy ở trọ. Dọn cái nhà khách để anh ấy ở cho được tĩnh mầy ạ.

Dao ngần ngừ :

- Nhưng nhà mình chật chội, chả biết anh ấy có bằng lòng không. Hay chôi phất đi là xong.

- Thế sao tiện. Ngày xưa mày học ở trên tỉnh cũng trọ đằng nhà ông phán đấy nhé ?

Dao lấy làm khó chịu, vì không muốn để ai chiếm mất cái nhà khách mà Dao đã trang hoàng bài trí một cách rất tỉ mỉ và lố lằng.

- Tùy mẹ đấy, chỉ sợ chỗ ăn chỗ ở chẳng ra sao làm người ta cười cho mà thôi.

Dứt lời, Dao bỏ bức thư vào túi, rồi thông thả ra đi.

- Mày lại đi đâu thế?

- Con sang bên ông hàn có tí việc.

- Việc gì ? Lại rúc vào bàn tổ tôm ấy chứ gì.

Không trả lời, Dao đi thẳng.

IV

Ở thửa ruộng bên đường, Cúc và Sẹo tát nước đã xong. Mỗi người cầm một cái cào nhỏ, cào dài kéo đi kéo lại để cào đất. Tiếng nước bùn văng kêu lép bép. Đàn châu-chấu thấy động bay lên tới tấp, lọt sọt trong là lúa sắc xanh thắm, trong hoa lúa màu vàng non.

Mặt trời đã xế sau cây đa um tùm bên tòa miếu cổ. Và như có hẹn hò, - sự hẹn hò không chiều nào sai, - luồng gió bẽ thổi từ phía đông nam tới làm lao sao suốt thắm lúa dài chung quanh có các làng với lũy tre bao bọc : Khác nào một tiếng thở dài khoan khoái của cảnh thôn quê sau một ngày oi-ả, nặng nề.

Bên mấy túp quán lợp cối lợp xụp, xiêu vẹo, một khóm mía lá cứng cọ nhau kêu sào sạc và thân cây ngả nghiêng soi bóng xuống cái lạch con, mặt nước rung rinh theo làn gió lướt qua mà như chảy ngược lên phía thượng lưu. Hai đĩa làu nước, những cây khoai ngứa lá dày, màu lục làm tâm điểm những chấm hồng, chấm trắng, tựa rặng cờ hình trái tim hay pháp phối trên những cán yếu mềm.

Hòa với tiếng sáo diều trên không, đưa lại tiếng hát đều đều, thanh thanh của một bọn thợ hái trong một thửa ruộng xa trồng lúa ba giăng. Cúc dùng tay đứng ngắm họ. Rồi nhớ tới một câu ca dao đã học thuộc lòng Cúc cũng cất tiếng hát:

*Áy ai đi đấy hỡi ai,
Hay là trúc đã nhớ mại đi tím
Tìm em như thể tìm chim,
Chim ăn bẻ bắp đi tìm bẻ đông.*

Nghe thấy thằng Sẹo cười có ý nhạo báng, Cúc hỏi :

- Sao tôi hát, anh lại cười ?
- Con gái ai lại hát câu ấy.
- Tại sao vậy, Sẹo ?
- Vì hát thế không được, chứ còn lại sao nữa.
- Tôi vẫn thấy người ta hát đấy mà.
- Người ta nhón thì người ta mới hát câu ấy, cô còn bé, hát không được.

Cúc im lặng ngẫm nghĩ, không hiểu lời Sẹo nói. Đàng xa theo ngọn gió bay đến câu ra nhỏ nhỏ, rì rạc của một cô thợ hái :

*Cất lên một tiếng mà chơi
Cất lên tiếng nữa ăn coi trâu đây.*

Cúc định hát đáp lại, nhưng bỗng lên sợ thằng Sẹo chế riễu, nên lại thôi, đứng thần thờ lắng tai nghe và vợ vẫn nhìn lên đường. Lúc bấy giờ. một cái xe bánh sắt vừa đỗ bên quán. Một người vận áo xa hoa, đầu đội khăn nhiều bóng ở xe bước xuống. Người phu xe thì bê cái hòm gỗ vàng đặt lên cái bệ đất ở một bên gian hàng.

Người hành khách hình như phân vân không biết làm thế nào vác được cái hòm nặng kia, đứng trên đường trông về phía làng. Thấy Cúc tò mò nhìn mình, chàng cũng hỏi chơi một câu :

- Vào trong làng Nam hình như có con đường tắt gần lắm, có phải không cô ?

Cúc vẫn dăm dăm nhìn người hành khách :

- Kể thì có nhiều đường tắt, nhưng ông về xóm thượng hay xóm hạ ?

- Xóm hạ.

- Xóm hạ à ?

- Phải, xóm Hạ. Tôi đến nhà bà Nhi.

Cúc vui mừng reo :

- Ô, ông giáo Thanh ! Chết chữa, thế mà tôi không nhớ ra. Thảo nào thấy ngờ ngợ.

Thanh cũng vừa nhận ra cái áo sỏ gầu của cô kia :

- Trời ơi ! tôi vô tâm quá ! cô Cúc mà tôi cứ nghĩ ai. Của đáng tội, hồi năm kia việc đám cưới tôi về thì cô hãy còn bé. Bây giờ cô khác đi nhiều rồi. Lại thêm ngày ấy

trong nhà bối rối, tôi cũng chẳng kịp nhận kỹ được cô.

Cúc đưa mắt nhìn thẳng Sẹo, để dò ý tứ nó xem nó có tỏ vẻ mỉa mai đối với mình chẳng. Rồi cô bảo Thanh :

- Hôm nọ, anh chánh hội tiếp được thư của ông...

Thanh ngơ ngác hỏi :

- Ông chánh hội nào thế, cô ?

- Anh chánh hội Dao ấy mà.

- Thế ra anh Dao làm chánh hội rồi đây ?

- Vâng, chả ai chịu ra. Cụ huyện bảo mãi mẹ tôi lo cho anh ấy, nên mẹ tôi cũng cố. Thưa ông, thế mà cũng phải bán mất hơn một mẫu ruộng đấy.

Thanh buồn rầu đáp :

- Rõ hoài !

Chàng mang máng nhớ lại lời uyý thác của ông Nhi khi ông ốm nặng. Biết mình sắp chết ông Nhi cho tìm chàng về và bảo chàng rằng : «Tôi với ông phán ngày xưa là hai người bạn chơi với nhau rất thân mật. Ông phán sớm biết bỏ chữ nho học chữ Pháp, còn tôi, tuy chỉ suốt đời làm một anh đồ hủ, nhưng cũng giữ được

gia bản của cha mẹ để lại, và trông về nghề canh cửi mà cả nhà đủ ấm no... Tôi lo sau khi tôi nhắm mắt đi, thằng Dao nhà tôi nó không theo được chí của tôi. Nó dại lắm! chẳng biết một tí gì, chỉ chơi bời, lêu lổng mà thôi. Đây anh coi, ngày xưa nó cùng học một lớp với anh, mà ngày nay, anh thì thế, nó thì thế. Vậy sau này, anh nên nghĩ đến cái tình bằng hữu của tôi với ông phán mà có điều hơn, lẽ thiệt, anh bảo ban cho nó dùm tôi, chứ bà Nhi nhà tôi, tôi xem ra chẳng thiết gì dạy dỗ con cái hết...»

Thanh mơ màng như còn nghe thấy những lời người chết thì thầm bên tai. Chàng hỏi Cúc :

- Thế ra bán mất hơn một mẫu ruộng rồi đấy ?

- Vâng.

- Giá tôi biết thì tôi không để cho bán. Làm chánh hội thì được cái tích sự gì mà phải mất hơn một mẫu ruộng.

Cúc lấy làm lạ rằng ông giáo Thanh sao lại có quyền không để cho mẹ mình bán ruộng được. Còn Thanh, Thanh cũng lấy làm tức tối về nỗi bà Nhi bán ruộng mà không bảo cho chàng biết. Chàng còn nhớ lời ông Nhi lúc hấp hối dặn bà Nhi và Dao hãy gặp sự gì quan hệ thì phải hỏi chàng; vậy có sao, người ta lại coi thường lời

dối dăng của ông Nhi thế. Bỗng chàng dăm dăm nhìn Cúc :

- Còn cô, cô biết làm những công việc gì ?

Cúc không thể nhịn được cười đáp lại :

- Tôi biết dệt vải, tát nước, đánh ống, đánh suốt, ông hỏi lẫn thân quá.

Rồi Cúc bảo Sẹo :

- Bà bảo tát nước thì tát nước đã xong. Vậy anh với tôi đi khiêng hộ ông giáo cái hòm vô nhà đi...

Quay lại phía Thanh, Cúc hỏi :

- Có phải ông có cái hòm không ?

- Phải, tôi cũng đang tìm người để thuê vác về.

Cúc lại cười :

(Còn nữa)

Bước Chân Theo Dịp Đàn...

Xuyên qua mây tiệm khiêu vũ

Etoile dancing

Phố Khâm-thiên, một buổi chiều... Ngọn đèn xanh nhấp nháy gọi khách qua đường dừng bước trước căn nhà đồ-sộ : Etoile Dancing. Tiếng đàn hát ở trong du dương bay ra, trên hè một đám đông người tranh nhau cái khe cửa, hay cố nhìn qua tấm kính giấy. Chắc cái cảnh họ được trông thấy là một cái cảnh nào người, nên ai nấy cũng tranh nhau nhìn được rõ.

Bên quây hàng phía trong một thiếu phụ ba mươi có lẽ, liền thoáng mời chào : Ông vào cửa này ! Entrez Monsieur - tùy khi khách là tây hay là ta. Bên cạnh, một bà béo sì, tóp tép nhai trầu trông có vẻ quan gia lắm.

Tôi bước vào. Người thiếu-phụ nhẹ nhàng :

- Xin ông năm hào...

Tôi giật mình :

- Ba hào thôi chứ ?

Một anh chàng dong dỏng cao vào sau tôi nhìn tôi bằng con mắt khinh khỉnh còn thiếu phụ nở một nụ cười chua chát :

- Thưa ông, ba hào ma-ti-né, kia ạ !

À ra thế ! Tôi đành thở giải móc ví trả số tiền, và lẳng lẳng đi vào, tuy không ngoảnh lại, nhưng thấy dọn sau lưng : chắc hẳn thiếu phụ và bà nhai trầu cùng theo tôi bằng một đuôi mắt chế riều, mỉa mai.

Qua sân vào buồng nghỉ, bộ bàn ghế đã có mấy ông tây đen chiếm hết. Annam chúng tôi chạy đi chạy lại tung tăng, đón vũ nữ này, lấy hoa ném vũ-nữ khác, quanh quẩn như đèn cù. Trong buồng nhảy, vài vũ-nữ ngồi thở hỏn hển, vài ông ta ngồi ngắm nghía, vài chú khách và vài người Nhật Bản đang truyện trò cười khúc khích.

Một tiếng vỗ tay - ngọn đèn xanh bỗng bật, tiếng kèn máy du dương : Loạn xạ, tây, ta tranh nhau vũ-nữ người nào nhanh chân là được nhưng nhiều khi cũng chẳng làm gì, vì nhiều anh sẵn đón trước rồi. Rồi 10 vũ nữ ra tài, tà áo mùi hay pháp phới : một ông tây đen cao tướng ôm một vũ-nữ thập lè tè, một ông annam lùn tịt với một vũ-nữ cao ngồng như cỏ hương. Thật là thừa bù vào thiếu, hai cái thái-cực kỳ quan gặp nhau. Còn đâu là

mỹ thuật, là uyển chuyển, là dáng điệu mềm mại trong cái chênh lệch ấy nữa.

Còn bao nhiêu nam ky binh khác dành ngồi dương đôi mắt thèm thuồng nhìn người ta nhảy chỉ lăm le chờ hết bài đàn là ra ngồi bên vũ-nữ để giữ phần. Có ông ngồi nhau tán truyện, khen ông này nhảy giỏi, bước đi đều - chê ông kia nhảy kém, chân như vòng kiềng, vũ nữ này nhảy như chơi-chơi, vũ-nữ kia nhảy như cô tập tũng.

Một ông tây đen cuông quít, ra phân trần với chủ-phòng rằng thân phận ông ta khốn nạn chưa ! đợi chờ từ chập tối mà chưa nhảy được lần nào...

Trước khi bước chân vào, tôi cứ tưởng sẽ đến ngạt về khói thuốc xì-gà, vì mùi rượu sâm-banh. Nhưng... khói thuốc mịt mù là khói thuốc Mekong, thuốc Jade, năm xu một gói, mà các ngài đã cẩn thận bỏ vào bao các thuốc lá hạng sang. Một hai cốc nước tranh xương thay vào sâm banh sủi bọt, một hai cốc cà phê uống dè, tất cả chỉ có thể thôi..

Ông này thác rượu mạnh uống chóng say - mà chóng say thật - ông kia phần nản sâm banh thường làm rức đầu... vì thế, chứ không phải các ông ấy hẹp gì mà không cho vũ nữ là người đã cùng các ông dún dẩy theo điệu

đàn được nhờ cái lượng hải hà - rộng như trời bể - của các ông. Xuất mấy giờ đồng hồ quay cuồng trong gian phòng chật hẹp, đầy hơi người, đầy khói thuốc lá, mà không khát thì cũng tào. Nhưng nếu ngoài sân nhà chủ có cái bể nước mưa với cá vàng, tôi chắc mỗi tôi cũng đến vui mất vài phen.

Quạt trần quay, bài đàn liên tiếp nhau, điệu fox-trot dún dẩy, điệu valse quay tít, điệu tango dịp dàng... Một vũ nữ như màu dạ xoa nhẩy với một người tây, ra chiều đắc ý - hai ông tây đen cẩu tiết ôm nhau nhẩy xuống tinh.

Thoáng một người ôm cái bọc ở ngoài cửa lẫn vào trong. Theo sau, tôi quanh co lên gác tối, qua cửa sổ trên, thấy một tiểu thư đang nằm tiêm thuốc phiện, hai người trẻ tuổi ngả nghiêng đi gió về mây....

Mười hai giờ đêm tiếng kèn rút điệu. Mọi người kéo nhau ra về, trừ những người nào nhiều tiền ở lại hợp hội nghị bàn tròn trên gác, bàn những truyện cơ mật, cần thiết cho sự sống của cái tuổi trẻ trung !...

Déessa

Ngoài cửa, một bức vẽ máy đôi đang khiêu vũ. Ngọn đèn chiếu sáng, cốt yếu nhất là làm rõ rệt giòng chữ :

tiền vào cửa 1 \$.

Khách chơi, tôi thấy đủ hạng người : từ thầy ký đến con nhà buôn, qua các ông nhà báo, các ngài bác sĩ - và một vài ông Tây đem vợ con lại khiêu-vũ. Nhưng ông tây rồi cũng lại đến nhảy với bà đầm... Còn các ông ta, tôi khẽ mời một ông, ông nhìn tôi cười, vui cười bao hàm nghĩa muốn lắm, nhưng mà không dám. Tôi lại cũng thấy một vài ông khách sệ bụng ngồi lắc lư nói truyện với nhau, thỉnh thoảng lại khạc nhổ một cách trân trọng ra sàn nhà.

Tuy lẫn lộn Tây, Ta, Tàu - nhưng sự chia rẽ vẫn lạnh lùng. Mấy ông Tây chiếm một chỗ ngồi với nhau, còn các ông ta tránh ra một chỗ.

Nhưng các ông ta đàn vũ nữ súm vào đây còn các ông Tây đành chịu khó ngồi sưng.

Khác nhà Etoile Dancing, các khách chơi, tuy không sang lắm, những sự ăn uống cũng không đến nỗi rụt rè. Sâm banh tuy không sủi bọt nhưng rượu mứt thường sánh trong cốc luôn, kẹo tây tuy không sẵn, nhưng hoa quả như quít, cam thì cũng khá nhiều, các ông ấy lại sẵn lòng để vũ-nữ được ăn uống tự do.

Mà nào đâu có phải là không có lẽ - Một ông ghé tai tôi rỉ thăm : «ăn cam hay quít, giỏi lắm một cô chỉ ăn hết ba quả là cùng, mà ba quả giá cũng chẳng bao nhiêu» - Thật là hóm hỉnh thay, cái rộng lượng của những ông nào đó.

Nhà thiếu niên họa-sĩ Hoàng-tích-Chù - em ông Hoàng-tích-Chu - cũng không phải mỗi tay lắm mới biên được giá đó nước cho bà chị dâu nhà.

Riêng có mấy chị em béo tròn béo trọc, là duyên khiêu vũ hững hờ. Vì còn nhiều vũ-nữ khác sinh sấn, khổ người nhỏ bé, dễ vừa đôi phải lứa với nhau hơn. Buồn rầu, hai cô béo đó rủ nhau ra cửa ngắm trời khuya, ngóng người bạn cũng đồng cân, đồng lượng. Sao mà tốt đôi như thế! Một ông Tây ấn cửa bước vào, cũng béo mà béo mập. Hai người ôm nhau nhẩy, người ta cứ ngỡ là hai cái trống cái lặn, hay hai cái bồ quay tít.

Mọi người đều nghỉ, để dành chỗ cho đôi to ấy lúc lắc, ai cũng thoáng một nụ cười. Ông Tây thích chí cũng nhìn hết mọi người, hé miệng cười một cái cười xinh xắn.

Một vũ nữ ế ngồi gần tôi ngáp giải. Tôi quay sang kết truyện :

«Ở đây lấy một đồng tiền cửa, đắt quá nhỉ ?

- Không, khách quen chỉ lấy có 3 hào, còn 1\$ là khách lạ.

- Như tôi chẳng hạn.

Cô vuôn vai đáp : - Vâng, nhưng quá 12 giờ thì không tính tiền cửa nữa, thế song bắt buộc phải dùng đồ uống.

- Có đắt không ?

- Cũng khá, chỉ gấp ba bốn lần tiền vốn thôi.

Thấy cô lim dim buồn ngủ, tôi hỏi câu cuối cùng : ở đây mấy giờ đóng cửa ?

- Ba bốn giờ sáng, tùy ý khách.

Bài tang vừa xong, mà đồng hồ vừa điểm hai giờ sáng. Đứng giây ra về, thêm hơn 1\$ tiền nước thết chị em, khách lúc đi còn thêm được tiếng chào mặn mà của bà béo coi hàng thay chủ, thêm được cái nhìn âu yếm của một vũ nữ xinh tươi, và một tiếng hẹn vờ của một người vũ-nữ nói với :

- Chủ nhật sau, ông lại chơi...

Huyền Cân

Lạc Vào Động Bà Chúa Hàng Bạc

(Tiểu theo số 2)

Tôi xem một lúc, dần dần hoa mắt lên, không còn phân biệt được thế nào là xấu, là đẹp nữa, chỉ còn nhớ được có cái mà tôi biết có lẽ là quý nhất trong ngần ấy cái, tức là cái dọc tàu bằng hồ phách trong suốt, tịnh chứa dính một tí sỏi nào cả.

Cái tàu này chắc hút vào ngon lắm, vì cứ tưởng tượng rằng quý là phải thấy ngon.

Chùa nghèo người đi: «Ba trăm bạc đây ! chưa hề đã có ai được ngậm mồm vào».

Tôi khen, nhưng chắc chúa cho là đãi bôi, vì chúa chỉ cười : «Chả trách đất là phải, vì chưa dùng qua mà đã lên nước bóng ghê».

Chúng tôi rời bỏ cái bảo tàng bày biện theo mỹ-thuật đền chúa ấy, thì ở đâu nhô ra cả hai vợ chồng anh lùn. Thì ra, mình không trông thấy họ, nhưng họ đã trông thấy mình. Vô phúc anh nào có máu tham, muốn lấy trộm đồ vật của chúa.

Tôi để ý ngắm chỗ ngồi chơi. Trên sập gụ, lăn lóc lớn bé trong một cái khay to những sừng tê giác nhiều như

bánh ít. Tôi quyết là đồ giả, chúa chắc cũng đồng ý với tôi, vì tôi thấy chúa coi như nắm ốc bẻ để chơi.

Hai bên tường rất nhiều ảnh phóng đại. Một bên là ảnh của đức Khải-định, đức Bảo đại và ông cố Toàn quyền Pasquier và ảnh một dãy các cụ, nhận thấy cụ Thiều Hoàng, cụ hàn Đào.

Một bên, ảnh của chúa ăn vận theo lối một bà chúa mừng, ở đền, lúc ăn vận dầm kiêu «thuộc địa», Tự-đức mỗ niêu, lúc ăn vận tàu; lúc ăn vận ta theo kiêu tét «trung thu». Tôi nói kiêu tét trung thu vì chúa hình như đã vô tình làm kiêu mẫu cho các anh thợ thiếc thí phải.

Chúa chỉ ảnh chúa ăn vận lối chùa đền mà nói: «Ảnh này để tôi thờ tôi đây !»

Tôi chợt nhìn lên trần nhà thấy đã nứt nẻ, và có chỗ giây điện rơi lòng thòng xuống. Chúa nói chặn trước khi tôi sắp hỏi : «không thể nào chữa được ! Lấy thánh vận bái, hình như có ngài phù hộ cho, thì không thể đổ ụp trần được, mà có sụp cũng sẽ không việc gì».

Thật là cái nhà một chúa nghe, như một bà móm đeo kim cương.

Chúa làm việc phúc

Chúng tôi sắp bước vào nhà trong, thì thấy một bàn tay khẳng khiu thò qua hàng song sắt cửa sổ, chìa ra về phía chúa, theo sau một lời khấn : «Lậy chúa, chúa làm phúc...»

Chúa đứng dậy lấy một cái hộp con mở ra thấy lác đác vài đồng trinh Bảo-đại. Tôi thấy chúa lắc đầu, phán vọng ra rằng : «Thôi, hôm nay không sẵn, chúa xin khát đến sáng mai».

Tôi hỏi : «Chúa còn đủ tiền cho người ta kia mà !»

Chúa đáp khẽ vào tận tại tôi : «Người ấy là Khách kia ạ ! Khách thì phải cho một, hai xu là ít».

- Thế còn Annam?

- Annam thì dễ tính, một trinh Bảo-đại cũng được.

«Trước kia tôi còn hái ra tiền, thì năm xu, một hào, bây giờ hết lộc rồi, một trinh, hai trinh, gọi là của ít lòng nhiều»

Chúa nói xong, như muốn chứng rằng không còn giàu hơn trước, chúa bèn mở két sắt ra; ngăn trên bệ bọn những giấy, ngăn dưới lưng cũng những miếng vuông vuông, đen đen.

Chúa nói : «Két không còn tiền. Chỉ còn cao ba-long hồ cốt và mật gấu. Những thứ ấy để bố thí cho người nghèo. Những người đau bụng, đau mắt, bị đòn, đến xuất ngày rằm rập như đến mua thuốc phiện. Tới phiết một ít mật gấu vào mảnh giấy bóng đỏ cho họ đem về để ngâm với rượu làm thuốc».

Bây giờ tôi mới biết rằng chúa ưa làm phúc, thì ra cái danh từ chúa, của bà Bé-Tý đã có vô số người nghèo công nhận cho bà rồi. Bà chúa không những là chúa cả nhà chúa, chúa còn là chúa của đám nghèo ngay xương, hay đánh nhau và bại trận.

Nhưng mà mật gấu của chúa không biết có phải như sừng tê giác của chúa không? Một gấu sao mà nhiều như mật lợn ?

Bước vào nhà trong qua một cái sân ướat át chỉ chừa một lối đi, còn thì trên, dưới, chung quanh, những cây là cây, cây thì treo, cây thì trong chậu, um tùm xanh tốt. Tôi chỉ nhận biết được hai thứ : cây si bé tý hon và «cây xanh một vạ năm». Biết được thế kể cũng là giỏi. Ở trong một bể nước, cạnh núi non bộ, thả một chiếc tàu tây, dài độ bảy tám mươi phân. Đích là tàu đi bể, nhưng giá thỉnh thoảng nó biết «súp-lê» một tiếng thật rền rĩ,

thì chắc chúa phải cảm động lắm, hồi tưởng lại khi tiền
bao nhiêu quan lớn bạn về tây.

(Còn nữa)

Trọng-Lang